

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Số: 3183/QĐ-ĐHSG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo
trình độ đại học Trường Đại học Sài Gòn ban hành kèm theo Quyết định
số 258/QĐ-ĐHSG ngày 22/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

*Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-TTg ngày 25/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ
về việc thành lập Trường Đại học Sài Gòn;*

*Căn cứ Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân
dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-ĐHSG ngày 22/02/2022 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Sài Gòn ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Sài Gòn;*

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học
Trường Đại học Sài Gòn ban hành kèm theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHSG ngày
22/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn, cụ thể như sau.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6:

“2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào
tạo trong năm học, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm
học; mỗi năm học có 02 đến 03 học kì chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp và 01
học kì phụ (nếu có) với tối thiểu 05 tuần lên lớp.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7:

“4. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện
trong 03 tuần đầu tiên của học kì. Để được rút học phần đã đăng ký, người học phải tự
viết đơn có sự chấp thuận của cố vấn học tập, gửi về Phòng Đào tạo trong thời hạn đã quy

định và không vi phạm khoản 3 điều này. Người học chỉ được phép bỏ lớp học phần đối với học phần xin rút sau khi Nhà trường đã ban hành danh sách sinh viên rút môn học.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 9:

“a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0;

B+: từ 7,8 đến 8,4;

B: từ 7,0 đến 7,7;

C+: từ 6,3 đến 6,9;

C: từ 5,5 đến 6,2;

D+: từ 4,8 đến 5,4.

D: từ 4,0 đến 4,7.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 9:

“d. Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ để xếp loại và không được tính vào điểm trung bình học tập:

H: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

M: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ;

R: Điểm học phần do sinh viên rút học phần.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10:

“2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần phải được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4,0;

B+ quy đổi thành 3,5;

B quy đổi thành 3,0;

C+ quy đổi thành 2,5;

C quy đổi thành 2,0;

D+ quy đổi thành 1,5;

D quy đổi thành 1,0;

F quy đổi thành 0”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoản 3, 4, 5 Điều 1 áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2025 trở đi.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Giáo dục Thường xuyên, Trưởng các khoa và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT, các PHT;
- Lưu: VP, ĐT, HT.(10).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Lê Minh Triết



